TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2025/HS-ST
Ngày: 29/04/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Hoàng Tân.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Danh Cư.

2. Ông Phạm Anh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 04 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 51/2025/TLST-HS ngày 21/03/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2025/QĐXXST-HS ngày 14/4/2025 đối với bị cáo:

Trịnh Duy A; Giới tính: Nam; Sinh ngày 19/11/1994 tại Hà Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm A, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Căn hộ C - 14 Chung cư D, A T, khu phố A, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Trịnh Mạnh H và bà Lìu Thị T; bị cáo có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án: Không, Tiền sự: Không.

Bị cáo Trịnh Duy A bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 10/8/2023, đến ngày 28/9/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn sang bảo lĩnh. (bị cáo có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà Nguyễn Thị Phượng N; địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Yến N1; địa chỉ: D Kênh A, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3/ Bà Đỗ Nguyễn Băng N2; địa chỉ: A B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

4/ Bà Trần Thị Tuyết T1; địa chỉ: F cư xá L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

5/ Bà Huỳnh Thị Thu H1; địa chỉ: D D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

6/ Bà Nguyễn Thị Huỳnh N3; địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

7/ Bà Phan Thị Như Ý; địa chỉ: Khóm D, thị trấn N, N, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

8/ Bà Phùng Như T2; địa chỉ: F ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

9/ Bà Vũ Thị Lan P; địa chỉ: A thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. (vắng mặt)

10/ Bà Huỳnh Thị Ngọc T3; địa chỉ: D N, khu phố D, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

11/ Bà Lê Thị Trúc M; địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

12/ Bà Dương Quỳnh H2; địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. (vắng mặt)

13/ Bà Đào Cẩm Q; địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. (vắng mặt)

14/ Bà Nguyễn Bạch Hồng Đ; địa chỉ: 1 H, phường C, thành phố C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 10/2021 đến ngày 29/7/2023, Trịnh Duy A thuê căn hộ số C, khu nhà ở xã H, số B P, Phường F, Quận H để thực hiện hành vi cho người khác vay

tiền với lãi suất khoảng 01%/ngày (tương đương 30%/tháng, 360%/năm). Duy A liên hệ, thỏa thuận với người vay tiền qua gọi điện, nhắn tin, sau đó hẹn người vay để lấy giấy tờ tùy thân và cho vay tiền. Để tìm kiếm người vay tiền, Trịnh Duy A sử dụng mạng xã hội Facebook với nickname "Phượng Hoàng" để vào các nhóm "Checker" và "Hội T6", đăng thông tin quảng cáo cho vay tiền lên nhóm và đưa ra mức chiết khấu từ 05% đến 10% cho người giới thiệu người vay tiền. Hình thức cho vay là trả góp theo ngày (mỗi ngày phải trả một phần tiền gốc và tiền lãi). Vay tiền, thời hạn trả lãi trong vòng 25 ngày, thu phí dịch vụ 10% (ví dụ: vay 10.000.000 đồng, Duy A thu phí dịch vụ 1.000.000 đồng, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng; thu trước ngày đầu và ngày cuối là 1.000.000 đồng, người vay phải trả 23 ngày tiếp theo và tổng số tiền phải trả là 12.500.000 đồng).

Điều kiện cho vay tiền: Người vay tiền không cần tài sản thế chấp, không có hợp đồng vay tiền. Tuy nhiên, người vay tiền phải giao cho Duy A giấy tờ tùy thân căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân (CMND/CCCD) hoặc giấy tờ khác, số điện thoại của người vay tiền, số điện thoại người thân; kết bạn trên các trang mạng xã hội (Facebook, Z). Một số người không có giấy tờ cá nhân, tùy thân thì Duy A yêu cầu chụp hình, quay video gửi cho Duy A để làm tin.

Việc giao tiền: Tùy theo người vay tiền muốn lấy tiền mặt hoặc chuyển khoản, Duy A sẽ thực hiện theo yêu cầu. Hàng ngày, người vay tiền chuyển trả tiền vào tài khoản của Trịnh Duy A theo tài khoản số 28608888, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á (A2); tài khoản số 5030116668666, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (MB). Trường hợp người vay tiền chậm trả, Duy A gọi điện thoại, nhắn tin mà không nghe máy thì Duy A tìm đến chỗ ở, nơi làm việc để thu tiền góp đã vay.

Qua điều tra, xác định những người sau vay tiền của Duy A, cụ thể:

1. Chị Nguyễn Thị Phượng N:

Lần 1: Ngày 20/4/2023, chị N vay của Duy A số tiền 5.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, góp 250.000 đồng/ngày, lãi suất 30%/tháng. Duy A thu phí dịch vụ 05% là 250.000 đồng và trừ ngày đầu, ngày cuối là 500.000 đồng. Chị N đã trả hết lần vay này.

Lần 2: Cũng với thỏa thuận trên, ngày 22/5/2023, chị N vay của Duy A 5.000.000 đồng, thu 250.000 đồng phí dịch vụ 05% và thu trước 500.000 đồng 2 ngày tiền góp. Chị N đã trả hết lần vay này.

Lần 3: Cũng với thỏa thuận trên, ngày 18/6/2023, chị N vay của Duy A 5.000.000 đồng, thu 250.000 đồng phí dịch vụ 05% và thu trước 500.000 đồng 2 ngày tiền góp. Chị N đã trả hết lần vay này.

Lần 4: Cũng với thỏa thuận trên, ngày 02/7/2023, chị N vay của Duy A 5.000.000 đồng, thu 250.000 đồng phí dịch vụ 05% và thu trước 500.000 đồng 2 ngày tiền góp. Chị N đã trả hết lần vay này.

Lần 5: Cũng với thỏa thuận trên, ngày 26/7/2023, chị N vay của Duy A 5.000.000 đồng, thu 250.000 đồng phí dịch vụ 05% và thu trước 500.000 đồng 2 ngày tiền góp. Chị N góp được 03 ngày với số tiền 250.000 đồng/ngày. Sau đó do Duy A bị bắt, chị N không góp nữa.

Số tiền thu lợi bất chính từ việc Duy A cho chị N vay là 6.117.808 đồng. Số tiền phí dịch vụ Duy A thu là 1.250.000 đồng.

2. Chị Nguyễn Yến N1:

Lần 1: Vào khoảng tháng 12/2022, chị N1 vay của Duy A số tiền 15.000.000 đồng, góp 250.000 đồng/ngày trong 31 ngày, lãi suất 53%/tháng, thu phí dịch vụ 10% là 500.000 đồng, thu trước 02 ngày là 500.000 đồng. Khi chị N1 góp được 21 ngày với tổng số tiền là 4.750.000 đồng, còn thiếu lại 10 ngày với số tiền 2.500.000 đồng, nhưng không còn khả năng trả góp nên chị N1 đã liên hệ Duy A vay lần 2 để có tiền trả cho lần 1 còn thiếu.

Lần 2: Chị N1 vay của Duy A số tiền 4.000.000 đồng, góp trong 31 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng, lãi suất 53%/tháng, thu phí dịch vụ 10% là 400.000 đồng và thu trước 02 ngày là 400.000 đồng. Chị N1 góp được 19 ngày thì thoả thuận với Duy A trả góp 10 ngày, còn thiếu mỗi ngày 200.000 đồng. Chị N1 đã trả hết tiền gốc và lãi của 02 lần vay cho Duy A.

Số tiền thu lợi bất chính từ việc Duy A cho chị N1 vay là 5.547.123 đồng. Số tiền phí dịch vụ Duy A thu là 900.000 đồng.

3. Chị Đỗ Nguyễn Băng N2:

Lần 1: Vào khoảng tháng 5/2022, chị N2 vay của Duy A số tiền 10.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng, lãi suất 30%/tháng, nhưng chỉ thực nhận vào tài khoản MB số 0888010796 của chị N2 số tiền 7.500.000 đồng do Duy A thu phí dịch vụ 10% là 1.000.000 đồng, đóng trước 02 ngày đầu và cuối là 1.000.000 đồng. Đối với khoản vay này, chị N2 đã trả gốc và lãi cho Duy A là 12.500.000 đồng.

Lần 2, 3, 4, 5 và 6: chị N2 vay số tiền 15.000.000 đồng của Duy A với thoả thuận như trên, mỗi ngày đóng tiền góp 750.000 đồng, góp trong 25 ngày (trừ số tiền nợ, tiền phí dịch vụ 10% tương đương 1.500.000 đồng, thu trước 1.500.000 đồng cho 02 ngày tiền góp), lãi suất 30%/tháng. Chị N2 đã trả gốc và lãi cho Duy A.

Lần 7: Chị N2 vay của Duy A số tiền 15.000.000 đồng với thoả thuận tương tự như trên và thực nhận được số tiền khi vay là 12.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi góp được 05 ngày với số tiền 3.750.000 đồng; còn thiếu 10.000.000 đồng thì không có khả năng chi trả nên chị N2 thoả thuận với Duy A xin đóng tiền lãi đứng với số tiền trên 10 ngày đóng 1.000.000 đồng thì Duy A đồng ý. Chị N2 đóng được khoảng 02 tháng thì Duy A không đồng ý, yêu cầu chị N2 trả số tiền 10.000.000 đồng. Chị N2 tiếp tục thỏa thuận với Duy A cho góp mỗi ngày 400.000 đồng thì Duy A đồng ý (góp đủ 10.000.000 đồng). Chị N2 góp được 05 ngày thì không có tiền góp nữa nên cắt mọi liên lạc với Duy A.

Số tiền thu lợi bất chính từ việc Duy A cho chị N2 vay là 34.784.249 đồng (trong đó: Số tiền thu lợi bất chính từ cho vay tiền góp: 29.113.016 đồng, số tiền thu lợi bất chính từ cho vay tiền đứng: 5.671.233 đồng). Số tiền phí dịch vụ Duy A thu là 10.000.000 đồng .

Chị Trần Thị Tuyết T1:

Lần 1: Chị T1 vay của Duy A số tiền 5.000.000 đồng (không nhớ thời gian), góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 250.000 đồng, nhưng chỉ thực nhận số tiền 4.000.000 đồng do Duy A thu phí dịch vụ 10% là 500.000 đồng, trừ ngày đầu, ngày cuối là 500.000 đồng, lãi suất 30%/tháng. Duy A chuyển tiền vay vào tài khoản ngân hàng của chị T1 và chị T1 trả góp theo ngày vào tài khoản ngân hàng của Duy A hoặc góp trực tiếp. Chị T1 đóng tiền góp được 16 ngày, với số tiền 4.000.000 đồng, còn thiếu 2.250.000 đồng.

Lần 2: Chị T1 vay Duy A số tiền 5.000.000 đồng với thoả thuận tương tự, nhưng chỉ thực nhận số tiền 1.750.000 đồng do Duy A trừ số tiền còn thiếu lần 1 là 2.250.000 đồng, tiền phí 500.000 đồng, tiền đóng 2 ngày là 500.000 đồng, lãi suất 30%/tháng. Chị T1 góp cho Duy A 15 ngày với số tiền là 3.750.000 đồng, còn thiếu 10 ngày với số tiền 2.500.000 đồng.

Lần 3: Ngày 03/11/2022, cũng với thoả thuận trên, chị T1 vay 5.000.000 đồng, nhưng chỉ thực nhận số tiền 1.500.000 đồng do Duy A trừ số tiền còn thiếu lần 2 là 2.250.000 đồng, tiền phí 500.000 đồng, tiền đóng 02 ngày là 500.000 đồng. Đối với

khoản vay này, chị T1 đã trả cả tiền gốc và lãi cho Duy A với tổng số tiền 6.250.000 đồng.

Số tiền thu lợi bất chính từ việc Duy A cho chị T1 là 5.041.667 đồng. Số tiền phí dịch vụ Duy A thu là 1.500.000 đồng.

5. Chị Huỳnh Thị Thu H1:

Vào khoảng tháng 5/2023, chị H1 vay của Duy A số tiền 3.000.000 đồng, thời gian vay 25 ngày, mỗi ngày góp 150.000 đồng, nhưng chị H1 chỉ thực nhận được khi vay là 2.400.000 đồng do Duy A thu phí dịch vụ 10% là 300.000 đồng, thu tiền góp trước 02 ngày là 300.000 đồng, lãi suất 30%/tháng. Sau khi trả góp cho Duy A được 10 ngày với số tiền 1.500.000 đồng thì không có khả năng thanh toán nên chưa trả cho Duy A số tiền 2.250.000 đồng.

Số tiền thu lợi bất chính từ việc Duy A cho chị vay H1 là 433.562 đồng. Số tiền phí dịch vụ Duy A thu là 300.000 đồng.

6. Chị Nguyễn Thị Huỳnh N3:

Chị N3 vay tiền đứng của Duy A tổng cộng là 70.000.000 đồng (gồm nhiều lần vay, không nhớ rõ thời gian và số lần vay), không có phí dịch vụ, chu kỳ trả lãi là 3.500.000 đồng/05 ngày. Chị N3 đã trả tiền lãi nhiều lần, nhưng không nhớ thời gian và tổng số tiền vay cụ thể trả cho Duy A. Tất cả các giao dịch, chị N3 sử dụng tài khoản số 9970101041997 Ngân hàng Q1. Ngày 17/7/2023, do không có khả năng trả lãi, chị N3 thoả thuận Duy A chuyển số tiền 30.000.000 đồng từ tiền đứng sang trả tiền góp, mỗi ngày trả góp 1.500.000 đồng trong 25 ngày, không có phí dịch vụ, nhưng thu trước 02 ngày là 3.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng. Số tiền chị N3 phải trả trong 25 ngày là 37.500.000 đồng. Chị N3 trả được 10 ngày tổng cộng 15.000.000 đồng, còn thiếu của Duy A 12.500.000 đồng. Đối với 40.000.000 đồng tiền đứng phải trả lãi theo chu kỳ 2.000.000 đồng/05 ngày, chị N3 đã trả được 03 chu kỳ là 15 ngày với số tiền là 6.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng.

Số tiền thu lợi bất chính từ việc Duy A cho chị N3 vay là 8.506.839 đồng (trong đó số tiền thu lợi bất chính từ cho vay tiền góp: 2.835.616 đồng, số tiền thu lợi bất chính từ cho vay tiền đứng: 5.671.233 đồng).

Chị Phan Thị Như Ý:

Lần 1: Tháng 3/2023, chị Ý vay của Duy A 3.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng, nhưng chỉ thực nhận qua tài khoản Ngân hàng N5 (A3) số 7509205199590 của chị Ý số tiền 2.400.000 đồng do Duy A trừ 300.000 đồng phí

dịch vụ, thu trước 02 ngày tiền góp 300.000 đồng, lãi suất 60%/tháng. Đối với khoản vay này, chị Ý trả gốc và lãi cho Duy A.

Lần 2, 3, 4 và 5: Với thoả thuận tương tự, chị Ý vay của Duy A 01 lần số tiền 3.000.000 đồng và 03 lần số tiền 2.000.000 đồng. Đối với các khoản vay này, chị Ý đã trả cả gốc và lãi cho Duy A.

Số tiền thu lợi bất chính từ việc Duy A cho chị Ý vay là 5.235.617 đồng. Số tiền phí dịch vụ Duy A thu là 1.500.000 đồng.

Chị Phùng Như T2:

Lần 1: Vào khoảng tháng 3/2023, chị T2 vay của Duy A số tiền 30.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày đóng 1.500.000 đồng nhưng chỉ thực nhận 28.500.000 đồng do Duy A thu trước 01 ngày tiền góp, lãi suất 30%/tháng. Chị T2 đóng tiền góp được 15 ngày thì mất khả năng chi trả nên tiếp tục vay thêm tiền của Duy A nhiều lần để đáo hạn.

Lần 2, 3, 4, 5 và 6: Với thoả thuận tương tự, chị T2 vay của Duy A 01 lần số tiền 25.000.000 đồng; 02 lần số tiền 20.000.000 đồng và 02 lần số tiền 15.000.000 đồng. Đối với các khoản vay này, chị T2 đã trả cả gốc và lãi cho Duy A.

Số tiền thu lợi bất chính từ việc Duy A cho chị T2 vay là 32.537.671 đồng.

Chị Vũ Thị Lan P:

Lần 1: Ngày 26/5/2023, chị P vay Duy A số tiền 30.000.000 đồng, góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày 1.500.000 đồng, nhưng chỉ thực nhận được qua tài khoản A2 của chị P số 21431537 hoặc tài khoản Momo 0984819896, số tiền 27.000.000 đồng do Duy A thu trước 02 ngày tiền góp, lãi suất 30%/tháng. Chị P đóng tiền góp được 10 ngày với tổng số tiền 15.000.000 đồng, còn lại 13 ngày chưa đóng với số tiền 19.500.000 đồng.

Lần 2, 3 và 4: Với thoả thuận tương tự, chị P tiếp tục vay mỗi lần số tiền 30.000.000 đồng (lần 3, lần 4 mỗi ngày đóng 1.200.000 đồng trong 31 ngày). Đến ngày 27/7/2023, chị P đã đóng được 11 ngày của lần vay thứ 4 với tổng số tiền 13.200.000 đồng, còn thiếu 20 ngày tiền góp tương đương số tiền 24.000.000 đồng.

Số tiền thu lợi bất chính từ việc Duy A cho chị P vay là 23.648.961 đồng.

Chị Huỳnh Thị Ngọc T3:

Ngày 12/7/2023, chị T3 vay Duy A số tiền 5.000.000 đồng, góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng nhưng chỉ thực nhận qua tài khoản ngân hàng số tiền 4.500.000 đồng do Duy A thu trước 02 ngày tiền góp), lãi suất 30%/tháng. Đối với

khoản vay này, chị T3 đã góp được 20 ngày với số tiền 5.000.000 đồng, còn 05 ngày chưa góp. Đến ngày 20/7/2023, chị T3 tiếp tục vay của Duy A số tiền 5.000.000 đồng với thoả thuận tương tự. Đối với khoản vay này, chị T3 đã đóng được 11 ngày với tổng số tiền 2.750.000 đồng, còn thiếu 14 ngày với tổng số tiền 3.500.000 đồng.

Số tiền thu lợi bất chính từ việc Duy A cho chị T3 vay là 1.465.068 đồng.

Chị Lê Thị Trúc M:

Ngày 01/11/2022, chị M vay của Duy A số tiền 5.000.000 đồng, góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày 250.000 đồng, nhưng chỉ thực nhận qua tài khoản ACB số 28838167 của chị M số tiền 4.000.000 đồng do Duy A thu 500.000 đồng phí dịch vụ, thu 500.000 đồng trước 02 ngày tiền góp, lãi suất 30%/tháng. Do không có khả năng thanh toán, chị M tiếp tục vay của Duy A 17 lần, lần vay sau trả cho lần vay trước, mỗi lần 5.000.000 đồng. Đến ngày 29/7/2023, chị M đã góp cho Duy A được 16 ngày của lần vay thứ 17 với tổng số tiền 4.000.000 đồng, còn thiếu 10 ngày với số tiền 2.500.000 đồng chị M chưa trả hết.

Số tiền thu lợi bất chính từ việc Duy A cho chị M vay là 20.794.520 đồng. Số tiền phí dịch vụ Duy A thu là 8.500.000 đồng.

Chị Dương Quỳnh H2:

Lần 1: Ngày 15/5/2023, chị H2 vay của Duy A 10.000.000 đồng, góp trong 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng, nhưng chị H2 chỉ thực nhận được vào tài khoản 102881662686 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C (V) của H2 số tiền 8.500.000 đồng do Duy A trừ tiền phí dịch vụ 05% tương đương 500.000 đồng và thu trước 1.000.000 đồng tiền góp 02 ngày, lãi suất 30%/tháng. Chị H2 đóng tiền góp được 17 ngày với số tiền 8.500.000 đồng, còn nợ lại 4.000.000 đồng thì mất khả năng thanh toán nên tiếp tục vay Duy A nhiều lần để trả cho khoản vay trước.

Lần 2, 3, 4 và 5: Vào các ngày 01, 24/6/2023 và 08, 20/7/2023, với thoả thuận tương tự như trên, chị H2 tiếp tục liên hệ vay của Duy A số tiền 10.000.000 đồng (lần 5 không thu phí dịch vụ). Chị H2 góp được 08 ngày với số tiền 8.000.000 đồng, còn thiếu 8.500.000 đồng.

Số tiền thu lợi bất chính từ việc Duy A cho chị H2 vay là 12.208.219 đồng. Số tiền phí dịch vụ Duy A thu là 1.500.000 đồng.

Chị Đào Cẩm Q:

Lần 1: Ngày 12/11/2022, chị Q vay của Duy A số tiền 4.000.000 đồng, trả góp trong 25 ngày liên tiếp, mỗi ngày đóng 200.000 đồng, nhưng chỉ thực nhận số tiền

3.200.000 đồng do Duy A trừ phí dịch vụ 10%, tương đương 400.000 đồng, thu trước 400.000 đồng tiền góp 02 ngày. Lãi suất 30%/tháng. Chị Q trả được 13 ngày tổng cộng là 2.600.000 đồng, còn nợ lại 2.400.000 đồng thì tiếp tục vay tiền của Duy A nhiều lần để khoản vay sau đáo hạn cho khoản vay trước.

Lần 2 đến lần 16: chị Q tiếp tục vay của Duy A mỗi lần 10.000.000, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày 500.000 đồng (mỗi lần Duy A đều trừ 02 ngày tiền góp, tương đương 1.000.000 đồng; các lần đáo hạn 1, 2, 3 tính 5% phí dịch vụ; từ lần đáo hạn thứ 4 không tính phí dịch vụ). Chị Quyên góp lần vay thứ 16 được 19 ngày với số tiền 9.500.000 đồng, còn thiếu 3.000.000 đồng.

Số tiền thu lợi bất chính từ việc Duy A cho chị Q vay là 38.586.300 đồng. Số tiền phí dịch vụ Duy A thu là 1.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Bạch Hồng Đ:

Khoảng tháng 10/2022, chị Đ vay của Duy A số tiền 5.000.000 đồng, bằng hình thức cho vay trả góp, phí dịch vụ vay là 10%, trả góp trong 25 ngày, mỗi ngày đóng 250.000 đồng. Khi mượn tiền, Duy A thu phí dịch vụ lần đầu tiền vay (10%) là 500.000 đồng và đóng ngày đầu tiên và ngày cuối cùng của chu kỳ góp tổng cộng 500.000 đồng, nên chị Đ thực nhận chỉ có 3.500.000 đồng. Duy A chuyển tiền từ tài khoản A2 số 28608888 mang tên "TRINH DUY ANH" sang tài khoản Ngân hàng cổ phần N6 (VCB) số 0471000328517 mang tên NGUYỄN BẠCH HỒNG Đ của chị Đ. Sau đó, từ ngày 02/10/2022, hàng ngày, chị Đ chuyển số tiền 250.000 đồng vào tài khoản A2 số 28608888 mang tên "TRINH DUY ANH" cho Duy A.

Sau khi đóng tiền được 15 ngày với số tiền 3.750.000 đồng, còn lại 10 ngày với số tiền 2.500.000 đồng, chị Đ xin được đáo hạn số tiền 5.000.000 đồng. Lúc này, Duy A trừ đi số tiền 2.500.000 đồng do chị Đ chưa đóng, tiền ngày đầu và ngày cuối là 500.000 đồng và tiền phí 500.000 đồng, tổng cộng là 3.500.000 đồng. Tổng cộng số tiền thực nhận của chị Đ là 1.500.000 đồng. Hiện chị Đ đã trả hết tiền cho Duy A.

Khi chị Đ vay tiền của Duy A, chị Đ đưa CCCD cho Duy A và gửi video có hình ảnh của chị Đ cho Duy A để làm tin, do chị Đ là khách ngoài tự tìm đến D để vay tiền. Trong quá trình chị Đ vay tiền, khi chị Đ chậm trả nợ, Duy A chỉ gọi điện thoại chửi và yêu cầu trả nợ đúng hạn, Duy A không đe dọa đánh đập cũng như không dùng hình ảnh của chị Đ để buộc chị Đ trả nợ cho Duy A.

Số tiền thu lợi bất chính từ việc Duy A cho chị Đ vay là 3.863.014 đồng. Số tiền phí dịch vụ Duy A hưởng từ chị Đ là 1.000.000 đồng .

Như vậy, có thể xác định được

+ Tổng số tiền mà Trịnh Duy A đã dùng để cho vay được xác định là 436.300.000 đồng.

+ Tổng số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 9.580.274 đồng.

+ Số tiền thu lợi bất chính từ số tiền lãi vượt mức theo quy định của Trịnh Duy A đối với những người vay nêu trên là 199.723.483 đồng và số tiền phí dịch vụ Trịnh Duy A thu đối với những người vay nêu trên là 26.450.000 đồng. Tổng số tiền Trịnh Duy A thu lợi bất chính đối với 14 người vay nêu trên là 226.173.483 đồng.

Tại cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đã truy tố bị cáo như sau:

Truy tố bị cáo Trịnh Duy Anh về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Ngoài ra cáo trạng còn xác định:

Đối với việc Trịnh Duy A lưu giữ một số hình ảnh và video của người vay, khi người vay trả đủ tiền thì Trịnh Duy A xóa hình ảnh và video. Trịnh Duy A không dùng hình ảnh và video để đe dọa người vay, cũng không phát tán các hình ảnh và video này cho bất kỳ ai. Hiện không có ai tố cáo Trịnh Duy A về việc sử dụng các hình ảnh và video nên Cơ quan Cảnh sát điều Công an Quận 8 không xử lý hình sự đối với Trịnh Duy A là có cơ sở.

Riêng đối với những người vay tiền là Nguyễn Thị T4*,* Ngô Anh T5*,* Lương Thị Như N4 *và* Bùi Tuyết A1 *hiện chưa làm việc được, Cơ quan Cảnh sát điều tra* Công an Q2 *ra Quyết định tách vụ án, tiếp tục đăng báo mời làm việc, khi nào làm việc được sẽ làm rõ theo quy định của pháp luật*

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trịnh Duy A từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 60.000.000 đồng. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền mà bị cáo dùng để cho vay và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo

quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của người vay. Trả lại cho những người vay tiền số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu.

Bị cáo trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng truy tố, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng.

Quá trình tranh luận, đối đáp đại diện Viện kiểm sát cũng như bị cáo giữ nguyên quan điểm như đã nêu, không phát sinh tình tiết nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ áp dụng pháp luật: Bộ luật Hình sự áp dụng trong vụ án này là Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) với nguyên tắc xử lý nghiêm trị đối với người chủ mưu, cầm đầu. Khoan hồng với người tự thú, thành khẩn khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra theo quy định tại Điều 3 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trịnh Duy A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, căn cứ vào các biên bản hỏi cung bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người liên quan là những khách hàng vay tiền, trích sao tài khoản của bị cáo và những người vay tiền, tin nhắn của bị cáo đối với những người vay tiền, nhận dạng của các khách hàng vay, cùng với các tài liệu, chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình tố tụng. Trên cơ sở xem xét đánh giá công khai các chứng cứ một cách đầy đủ và toàn diện nhất, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

Trong khoản thời gian từ khoảng tháng 10/2021 đến ngày 01/8/2023, bị cáo Trịnh Duy A đã có hành vi cho 14 khách hàng vay nhiều lần với lãi suất khoảng 01

%/ngày (tương đương 30%/tháng, 360%/năm) là vượt quá gấp 05 lần lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, bị cáo đã thu lợi số tiền lãi vượt quá quy định cho phép, qua trình điều tra xác định được tổng số tiền mà Trịnh Duy A thu lợi bất chính là 226.173.483 đồng.

Theo đó, bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng chỉ vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Với các tình tiết của vụ án đã được chứng minh tại phiên tòa Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hành vi của *bị cáo* Trịnh Duy A đã phạm vào tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 truy tố là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Tội phạm do bị cáo gây ra đã xâm phạm đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế và làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội địa phương, xét tính chất mức độ phạm tội tuy ít nghiêm trọng nhưng cần được xử lý nghiêm trước pháp luật để có tác dụng giáo dục, răn đe riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Hội đồng xét xử xét cần buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền 60 triệu đồng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi của bị cáo thực hiện thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự tuy nhiên các lần phạm tội của bị cáo đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo trong quá trình sinh sống có tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện tại địa phương được chính quyền địa phương ghi nhận; bị cáo hiện đang là lao động chính trong gia đình có 02 con còn nhỏ cần phải nuôi dạy; trước khi xét xử bị cáo đã tự nguyện nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính theo đó hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử xét quy mô và số tiền mà bị cáo cho vay các lần không lớn, những người vay tiền tự liên hệ với bị cáo chứ bị cáo không có dụ dỗ hay cưỡng bức để vay, bị cáo không có dấu hiệu dùng vũ lực hoặc hành vi bạo lực khác

mang tính chất xã hội đen để đòi nợ nhằm trục lợi mà chỉ trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận đối với những người vay tiền, bị cáo có nhiều tính tiết giảm nhẹ theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, mặc dù bị cáo phạm tội nhiều lần nhưng các lần phạm tội đều thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng nên căn cứ Nghị quyết số 02/20218/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ sức răn đe giáo dục bị cáo.

Các nhận định trên cũng là nhận định của Hội đồng xét xử để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát cũng như mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo tại phiên tòa.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Qua quá trình điều tra xác định được tổng số tiền mà Trịnh Duy A đã dùng để cho vay được xác định là 436.300.000 đồng và tổng số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 9.580.274 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính của bị cáo là 226.173.483 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Duy A xác nhận và đồng ý tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền đã cho vay (bao gồm số tiền cho vay mà những người vay chưa trả lại cho bị cáo). Căn cứ nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, cần buộc bị cáo phải nộp lại toàn bộ số tiền dùng để cho vay và tổng số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của bộ luật dân sự được xác định là 445.880.274 đồng, đối với số tiền thu lợi bất chính là 226.173.483 đồng xét cần trả lại cho những người vay theo quy định.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo đã tự nguyện nộp trước để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 14 Promax là công cụ phương tiện thực hiện tội phạm xét cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Trịnh Duy A 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Nếu bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 445.880.274 đồng để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Trịnh Duy A phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Phượng N số tiền là 7.367.808 đồng.

Buộc bị cáo Trịnh Duy A phải trả lại cho bà Nguyễn Yến N1 số tiền là 6.447.123 đồng.

Buộc bị cáo Trịnh Duy A phải trả lại cho bà Đỗ Nguyễn Băng N2 số tiền là 44.784.249 đồng.

Buộc bị cáo Trịnh Duy A phải trả lại cho bà Trần Thị Tuyết T1 số tiền là 6.541.667 đồng.

Buộc bị cáo Trịnh Duy A phải trả lại cho bà Huỳnh Thị Thu H1 số tiền là 733.562 đồng.

Buộc bị cáo Trịnh Duy A phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N3 số tiền là 8.506.839 đồng.

Buộc bị cáo Trịnh Duy A phải trả lại cho bà Phan Thị Như Ý số tiền là 6.7335.617 đồng.

Buộc bị cáo Trịnh Duy A phải trả lại cho bà Phùng Như T2 số tiền là 32.537.671 đồng.

Buộc bị cáo Trịnh Duy A phải trả lại cho bà Vũ Thị Lan P số tiền là 23.648.961 đồng.

Buộc bị cáo Trịnh Duy A phải trả lại cho bà Huỳnh Thị Ngọc T3 số tiền là 1.465.068 đồng.

Buộc bị cáo Trịnh Duy A phải trả lại cho bà Lê Thị Trúc M số tiền là 29.294.520 đồng.

Buộc bị cáo Trịnh Duy A phải trả lại cho bà Dương Quỳnh H2 số tiền là 13.708.219 đồng.

Buộc bị cáo Trịnh Duy A phải trả lại cho bà Đào Cẩm Q số tiền là 39.856.300 đồng.

Buộc bị cáo Trịnh Duy A phải trả lại cho bà Nguyễn Bạch Hồng Đ số tiền là 4.863.014 đồng.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, số IMEI: 354132416963448)

(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo Trịnh Duy A đã tự nguyện nộp để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

(theo biên lai thu tiền số 0003079 ngày 28/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh)

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thanh toán đủ số tiền bồi thường thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 30/04/2025; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQ CSĐT CA TP. HCM;
- CQ THA HS CA TP. HCM;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PV06;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Tân